

QUY ĐỊNH

Công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(Kèm theo Quyết định số: 11/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng; thẩm quyền và thủ tục xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Các nội dung có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, Thông tư số 1/2024/TT-BNV và các văn bản có liên quan của cấp thẩm quyền về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

3. Các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh.

4. Công dân tỉnh Trà Vinh.

5. Tập thể và cá nhân ngoài tỉnh; người Việt Nam đang sinh sống, làm việc và học tập ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

1. Đơn vị trực thuộc là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan đảng cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,

tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, tổ chức xã hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang cấp tỉnh viết tắt là cơ quan cấp tỉnh.

5. Giám đốc, Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan đảng cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, tổ chức xã hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang cấp tỉnh viết tắt là Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh.

6. Cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã viết tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), viết tắt là chuyên đề.

8. Tổng công ty, công ty, hợp tác xã, viết tắt là doanh nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng và xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc về thi đua, khen thưởng theo quy định tại Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng, Điều 4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, việc bình xét khen thưởng tổ chức theo từng nhóm đối tượng giữa những người giữ chức vụ tương đương nhau:

1. Giữa ban lãnh đạo và các chức danh tương đương trong cùng cơ quan cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong cùng một huyện.

2. Giữa lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc, các chức danh tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh; giữa lãnh đạo các phòng, ban và các chức danh tương đương các cơ quan cấp huyện; giữa Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trong cùng một xã.

3. Giữa công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cùng cơ quan, đơn vị, địa phương và người lao động trực tiếp với nhau. Trong nhóm này, có thể phân ra những người có cùng hoặc gần giống nhau về ngành, nghề, nhiệm vụ được giao để xét thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Các trường hợp không hoặc chưa xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Những trường hợp không xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

a) Tập thể để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, có sai phạm phải xử lý kỷ luật trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Tập thể mất đoàn kết nội bộ hoặc có thành viên lãnh đạo suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến, tự chuyển hóa” khi có kết luận của cấp thẩm quyền.

c) Tập thể lãnh đạo, quản lý hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc có cá nhân không phải là lãnh đạo,

quản lý bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách (tỷ lệ thu ngân sách đạt dưới 80% dự toán giao), trừ trường hợp có lý do khách quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

đ) Đơn vị thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng mà chưa khắc phục xong kết luận, kiến nghị về hạn chế, khuyết điểm phải khắc phục (dưới 70% nội dung, kết luận, kiến nghị), trừ trường hợp có lý do chính đáng, được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

e) Đơn vị có kết quả giải ngân vốn đầu tư công đạt dưới 80% kế hoạch được giao đến hết tháng 01 năm sau (kể cả vốn giao bổ sung).

g) Đơn vị quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách có nhiệm vụ chi chuyển nguồn sang năm sau do nguyên nhân chủ quan theo ý kiến kết luận của cấp có thẩm quyền.

h) Doanh nghiệp vi phạm pháp luật về đầu tư, lao động, đất đai, xây dựng, đấu thầu, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, sở hữu trí tuệ, an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh an toàn lao động bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính trở lên; chưa hoàn thành các nghĩa vụ về tài chính, thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương, kinh phí công đoàn theo quy định.

i) Người đứng đầu đơn vị để xảy ra các vụ việc nêu tại điểm a đến điểm h khoản 1 này.

k) Cá nhân bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc có kết luận thanh tra, kiểm tra kết luận có sai phạm phải kiểm điểm; được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng tự ý không tham gia hoặc không đạt kết quả (nếu khóa đào tạo, bồi dưỡng có đánh giá).

l) Hồ sơ đề nghị khen thưởng không đầy đủ và quá thời hạn quy định; báo cáo thành tích chưa thể hiện tính tiêu biểu, không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

2. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cá nhân, tập thể quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua; thẩm quyền phát động, chỉ đạo phong trào thi đua; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai phong trào thi đua

1. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua; thẩm quyền phát động, chỉ đạo phong trào thi đua; danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19 và 20 Luật Thi đua, khen thưởng và các Điều 2, 3, 4 Thông tư số 1/2024/TT-BNV.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu doanh nghiệp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

- Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

- Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

c) Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh; tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị phát động; nhiệt tình, sôi nổi trong các hoạt động của các tổ chức đoàn thể của cơ quan, đơn vị.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để xét tặng hằng năm cho công nhân, nông

dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng đạt các tiêu chuẩn sau:

a) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

b) Công nhân lao động, sản xuất đạt năng suất và chất lượng cao, tích cực giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, tích cực giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.

3. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong một số trường hợp cụ thể như: Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân; cá nhân trong khi làm nhiệm vụ hoặc dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích phải điều trị; cá nhân được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; cá nhân chuyển công tác hoặc được điều động, biệt phái... thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 1/2024/TT-BNV.

4. Không bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Có thời gian tuyển dụng hoặc đang làm hợp đồng lao động dưới 06 tháng.

b) Nghỉ không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm từ 03 tháng trở lên.

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu Cờ thi đua của tỉnh

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh.

c) Nội bộ đoàn kết, tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; không có phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

d) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; thực hiện nghiêm các quy định của cụm, khối thi đua.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoặc do cơ quan cấp tỉnh tổ chức trên phạm vi toàn tỉnh và có phê duyệt kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của phong trào thi đua.

b) Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ được giao trong phong trào thi đua.

c) Được Ban Chỉ đạo hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức bình xét, đề nghị khen thưởng.

3. Đối tượng tặng danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” là các tập thể tiêu biểu, dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua hằng năm và phong trào thi đua chuyên đề, bao gồm:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại; các đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh; phòng, ban và tương đương thuộc cấp huyện là thành viên cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức.

b) Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân dẫn đầu công tác gọi công dân nhập ngũ 03 năm liên tục.

c) Các tập thể khác không quy định tại điểm a, điểm b khoản này tham gia cụm, khối thi đua của tỉnh tổ chức, tham gia phong trào thi đua chuyên đề.

4. Việc tặng Cờ thi đua của tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 1/2024/TT-BNV.

Trường hợp tập thể không được tặng Cờ thi đua của Chính phủ do có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm của tập thể dẫn tới không đảm bảo tiêu chuẩn thì Ủy ban nhân dân tỉnh không xem xét, tặng Cờ thi đua của tỉnh.

Điều 10. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng. Tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách phải ổn định, tăng trưởng và vượt kế hoạch đề ra.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” để xét tặng hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc, trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể và tương đương.

b) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương, đoàn thể, đơn vị trực

thuộc huyện; tập thể cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học (trừ các trường thuộc tỉnh: Trường Chính trị tỉnh Trà Vinh, Trường Đại học Trà Vinh, Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh, Trường Cao đẳng Y tế Trà Vinh); bệnh viện, trung tâm và tương đương; các đơn vị thuộc và trực thuộc như khoa, phòng, trung tâm và tương đương thuộc bệnh viện tuyến tỉnh hoặc thuộc các trường đại học, cao đẳng.

d) Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc trực tiếp như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

đ) Các tập thể như: Tổ, đội, trạm, trại, hạt và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh có số lượng công chức, viên chức từ 15 người trở lên.

Điều 11. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng. Tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách phải ổn định, tăng trưởng và hoàn thành kế hoạch đề ra.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các đối tượng sau:

a) Phòng, ban và tương đương, đơn vị thuộc và trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

b) Khoa, phòng, trung tâm, tổ, đội, trạm, trại, hạt thuộc đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

c) Phòng, ban và tương đương, đơn vị trực thuộc huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Người cao tuổi, Hội Khuyến học, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận cấp xã...

d) Đơn vị thuộc doanh nghiệp như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội, trạm, trại và tương đương.

Chương III TIÊU CHUẨN CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 12. Tiêu chuẩn khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên)

Các hình thức và tiêu chuẩn khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 13. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Khen thưởng công trạng:

a) Cá nhân, tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Đối với tập thể thuộc cụm, khối thi đua thuộc tỉnh: Hoàn thành các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; thực hiện tốt các quy định của cụm, khối thi đua; được các thành viên trong cụm, khối thi đua bình xét với tỷ lệ đồng ý từ 50% trở lên. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và số lượng khen thưởng cụm, khối.

c) Đối với cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc (do Bộ, ngành Trung ương, các tập đoàn, tổng công ty quản lý về biên chế, quỹ lương) và cá nhân thuộc doanh nghiệp (bao gồm các ngân hàng thương mại) là thành viên khối thi đua của tỉnh đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng. Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 5% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị.

d) Công nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn sau: Có sáng kiến trong lao động sản xuất đã áp dụng mang lại lợi ích thiết thực cho đơn vị, doanh nghiệp; có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, được đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức công đoàn cơ sở công nhận.

đ) Nông dân đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn sau: Có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận, giúp đỡ hộ nông dân khác giảm nghèo và tạo việc làm ổn định cho 05 lao động trở lên.

e) Tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Trà Vinh.

g) Doanh nhân, trí thức, nhà khoa học trên địa bàn tỉnh đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

h) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Khen thưởng đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu nhằm bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng.

b) Tập thể, cá nhân lập được nhiều thành tích trong công tác phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn.

c) Cá nhân có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân; gương người tốt việc tốt có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh.

d) Tập thể, cá nhân đạt giải đặc biệt, Nhất, Nhì, Ba (hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc tương đương) trong các cuộc thi, kỳ thi, hội thi, hội diễn, giải thưởng cấp quốc gia; giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi, kỳ thi, hội thi, hội diễn, giải thưởng khu vực và quốc tế; tập thể đạt giải Nhất, Nhì, Ba toàn đoàn (hoặc tương đương) trong các cuộc thi, kỳ thi, hội thi, hội diễn, giải thưởng cấp tỉnh (do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức).

Chỉ khen thưởng tập thể, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cử hoặc cho phép tham dự các cuộc thi, kỳ thi, hội thi, hội diễn, giải thưởng do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tổ chức, công nhận.

Đối với các giải thi đấu thể thao, khen thưởng từ cấp độ giải Vô địch trẻ quốc gia trở lên; đối với giải thi đấu các nhóm tuổi, do cơ quan quản lý chuyên ngành khen thưởng theo thẩm quyền.

đ) Những người trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng, huấn luyện, hướng dẫn các tập thể, cá nhân đạt giải đặc biệt, giải Nhất (hoặc tương đương) cấp quốc gia, giải khuyến khích trở lên cấp khu vực và quốc tế quy định tại điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp có nhiều giảng viên, giáo viên, huấn luyện viên cùng trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng, huấn luyện, hướng dẫn tập thể đạt giải, thì xem xét đề nghị khen thưởng tập thể giảng viên, giáo viên, huấn luyện viên (không khen thưởng cá nhân từng giảng viên, giáo viên, huấn luyện viên).

e) Cá nhân có mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, đổi mới, đột phá, dám nghĩ, dám làm trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan cấp tỉnh ghi nhận và đề nghị khen thưởng.

g) Cá nhân đã tố cáo, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi tham nhũng, hành vi vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng.

h) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có nhiều đóng góp về công sức, đất đai, tài sản và các hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo cho địa phương, xã hội:

- Trực tiếp đóng góp có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên đối với tập thể/lần đóng góp và từ 70 triệu đồng trở lên/lần đóng góp đối với cá nhân, hộ gia đình. Trường hợp mức đóng góp lần đầu chưa đến mức khen thưởng, thì có thể cộng dồn trong 01 năm và mức đóng góp cộng dồn từ 200 triệu đồng trở lên đối với tập thể; 100 triệu đồng trở lên đối với cá nhân, hộ gia đình.

- Vận động đóng góp từ 400 triệu đồng trở lên đối với tập thể và 200 triệu đồng trở lên đối với cá nhân, hộ gia đình.

i) Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị đột xuất do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

k) Tập thể, cá nhân lập thành tích tiêu biểu, xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh

hưởng trong tỉnh hoặc toàn quốc thì căn cứ vào mức độ thành tích và quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP để đề nghị hình thức khen thưởng cấp Nhà nước phù hợp, đúng quy định.

3. Khen thưởng chuyên đề:

a) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, trực tiếp tham gia triển khai thực hiện các chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, phát động hoặc cơ quan cấp tỉnh tổ chức, phát động trên phạm vi toàn tỉnh. Số lượng đề nghị khen thưởng không vượt quá quy định sau (trừ các chuyên đề do Chính phủ phát động có quy định số lượng cụ thể hoặc các chuyên đề có quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh):

- Đối với chuyên đề có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên, khi sơ kết đề nghị khen thưởng không quá 10 tập thể và 20 cá nhân, khi tổng kết đề nghị khen thưởng không quá 15 tập thể và 30 cá nhân.

- Đối với chuyên đề có thời gian thực hiện dưới 05 năm, khi sơ kết đề nghị khen thưởng không quá 07 tập thể và 15 cá nhân, khi tổng kết đề nghị khen thưởng không quá 10 tập thể và 20 cá nhân.

- Đối với chuyên đề có thời gian thực hiện dưới 03 năm, khi tổng kết đề nghị khen thưởng không quá 07 tập thể và 15 cá nhân (không khen thưởng sơ kết, trừ trường hợp tập thể, cá nhân lập thành tích tiêu biểu xuất sắc, khen thưởng để tuyên truyền nêu gương).

- Đối với chuyên đề có thời gian thực hiện từ 01 năm trở xuống, khi tổng kết đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể và 10 cá nhân.

- Đối với chuyên đề thực hiện nhiệm vụ cấp bách, chuyên đề về công tác gọi công dân nhập ngũ, tùy theo tính chất, kết quả đạt được, cơ quan chuyên môn về công tác thi đua phối hợp với cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện chuyên đề tham mưu, đề xuất số lượng phù hợp.

Cơ quan tham mưu tổ chức thực hiện chuyên đề phải báo cáo Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách ngành, lĩnh vực hoặc Thường trực Tỉnh ủy (đối với các chuyên đề do cơ quan đảng chỉ đạo) cho ý kiến trước khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện chuyên đề.

b) Cá nhân có nhiều đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã, doanh nghiệp, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Trà Vinh, nhân kỷ niệm ngày thành lập đơn vị, địa phương vào năm tròn (10 năm, 20 năm...). Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 10 cá nhân. Trường hợp quá trình xây dựng và phát triển lâu dài từ 30 năm trở lên, số lượng khen thưởng tăng thêm, nhưng không quá 15 cá nhân. Cá nhân đề nghị khen thưởng phải có thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương từ 10 năm trở lên tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng và không bị xử lý kỷ luật với mọi hình thức. Trường hợp cá nhân có thời gian công tác tại đơn vị dưới 10 năm, thì thành tích phải tiêu biểu xuất sắc, có đóng góp thiết thực trong quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Cá nhân có thành tích xuất sắc trong suốt nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và thôi không tham gia nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới, không vi phạm kỷ luật với mọi hình thức.

d) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức như: Đại hội, lễ hội, hội thao, hội thi...; trong hoạt động nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Số lượng đề nghị khen thưởng do cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với cơ quan tham mưu tổ chức sự kiện đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

đ) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức triển khai thực hiện luật, pháp lệnh, nghị quyết, chỉ thị, nghị định, chương trình, đề án của Trung ương với thời gian thực hiện từ 10 năm trở lên. Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể và 10 cá nhân hoặc theo chỉ tiêu, hướng dẫn của cấp thẩm quyền; tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có 2/3 thời gian trực tiếp tham gia triển khai luật, pháp lệnh, nghị quyết, chỉ thị, nghị định, chương trình, đề án...

4. Khen thưởng đối ngoại: Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, các tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Trà Vinh.

Điều 14. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen

1. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; người đứng đầu doanh nghiệp tặng Giấy khen cho cá nhân, tập thể thuộc quyền quản lý đạt tiêu chuẩn sau:

a) Tặng cho cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:

- Có phẩm chất đạo đức tốt; giữ gìn đoàn kết nội bộ; gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; tích cực tham gia các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện và phát động.

- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Tặng cho tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:

- Nội bộ đoàn kết, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua.

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể.

- Tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

c) Tặng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua chuyên đề do cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp triển khai thực hiện và phát động.

d) Tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất có ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp.

đ) Tặng cho tập thể, cá nhân có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc quyền quản lý của tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế quyết định mức đóng góp của tập thể, hộ gia đình, cá nhân nêu tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này để khen thưởng.

3. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã căn cứ tình hình thực tế quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định số lượng khen thưởng đối với các tập thể, hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 15. Thẩm quyền quyết định khen thưởng và trao tặng

1. Thẩm quyền quyết định khen thưởng và trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Điều 77 đến Điều 82 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm, xã, phường, thị trấn, danh hiệu Lao động tiên tiến do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng.

3. Về tổ chức trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP

a) Đối với danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, “Giải thưởng Nhà nước”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức trao tặng gắn với kỷ niệm các ngày Lễ, ngày truyền thống, hợp mặt.

b) Đối với các hình thức khen thưởng cho Nhân dân, cán bộ, chiến sĩ về thành tích kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức trao tặng vào thời gian thích hợp tại địa phương với hình thức trang trọng, thiết thực.

c) Đối với danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp tỉnh do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, người đứng đầu doanh nghiệp tổ chức trao tặng cho tập thể, cá nhân tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội nghị khách hàng hoặc kỷ niệm ngày thành lập ngành...

d) Không tổ chức riêng Lễ trao tặng, đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, trừ danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”, khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất, khen thưởng thành tích kháng chiến.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định, đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Cá nhân, tập thể làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 1/2024/TT-BNV và các văn bản có liên quan về thi đua, khen thưởng.

3. Khen thưởng trong Hội đồng nhân dân các cấp, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 1/2024/TT-BNV và các văn bản có liên quan về thi đua, khen thưởng.

4. Đối với cá nhân, tập thể thuộc giáo hội các tôn giáo do Sở Nội vụ (cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng.

5. Đối với cá nhân, tập thể thuộc các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh do người đứng đầu các hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng và phải có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực đó.

6. Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Điều 17. Thẩm quyền công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân, tập thể và bình xét thi đua

1. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, người đứng đầu doanh nghiệp căn cứ quy định hiện hành về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và các văn bản có liên quan để đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với phòng, ban, đơn vị thuộc quyền quản lý.

3. Thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tổ chức họp bình xét thi đua, khen thưởng, chú trọng so sánh thành tích giữa các tập thể, cá nhân trong cuộc họp bình xét. Những trường hợp bắt buộc (Chiến sĩ thi đua tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc...) và những trường hợp trong thành viên Hội đồng có nhiều ý kiến khác nhau, thì tiến hành bình xét bằng hình thức bỏ phiếu kín để đảm bảo tỷ lệ theo quy định và tính khách quan, công bằng.

Điều 18. Thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định, thời gian thông báo kết quả thẩm định và kết quả xét khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (tổng kết năm) gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng):

a) Hồ sơ trình Cờ thi đua cấp tỉnh chậm nhất ngày 28 tháng 02 hằng năm.

b) Hồ sơ trình khen thưởng cấp tỉnh chậm nhất ngày 15 tháng 3 hằng năm. Hệ thống giáo dục và đào tạo chậm nhất ngày 31 tháng 8 hằng năm.

c) Hồ sơ trình khen thưởng cấp Nhà nước chậm nhất ngày 31 tháng 3 hằng năm. Hệ thống giáo dục và đào tạo chậm nhất ngày 30 tháng 9 hằng năm (bao gồm Cờ thi đua của Chính phủ).

d) Hồ sơ trình Chiến sĩ thi đua toàn quốc chậm nhất ngày 31 tháng 8 hằng năm (bao gồm hệ thống giáo dục và đào tạo).

2. Khen thưởng đột xuất: Tập thể, cá nhân lập thành tích đột xuất thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, người đứng đầu doanh nghiệp xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng để bảo đảm được tính nêu gương, kịp thời.

3. Khen thưởng chuyên đề: Khi tổ chức sơ kết, tổng kết chuyên đề, Thủ trưởng các ngành, các cấp xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng trước khi tổ chức sơ kết, tổng kết ít nhất 05 ngày làm việc.

4. Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt giải các hội thi: Sau khi kết thúc hội thi không quá 10 ngày làm việc, thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng. Đối với các hội thi tại tỉnh, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng ngay khi tổng kết hội thi.

5. Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

6. Thời gian thông báo kết quả xét khen thưởng:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

b) Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị trình khen thưởng biết những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 19. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng và từ Điều 33 đến Điều 44 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 01 bộ (bản chính) và các văn bản điện tử của hồ sơ khen thưởng, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước; Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (đối với lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt, trình Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Đối với cấp huyện, hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân phải có ý kiến của Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị xã ủy, Thành ủy đồng ý trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị về tỉnh.

5. Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học và công nghệ khi đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và các hình thức khen thưởng có quy định tiêu chuẩn về sáng kiến.

6. Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 40 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

a) Cơ quan phát hiện, đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

b) Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp thẩm quyền khen thưởng kịp thời ngay khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

Điều 20. Hiệp y khen thưởng, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân

1. Hiệp y khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Việc đề nghị khen thưởng cấp tỉnh đối với tập thể, cá nhân thuộc tổ chức tôn giáo, tổ chức nước ngoài phải có ý kiến của Sở Nội vụ, Công an tỉnh và cơ quan có liên quan.

3. Sở Nội vụ lấy ý kiến Nhân dân trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Cổng Thông tin điện tử, Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh) đối với các hình thức khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, người đứng đầu doanh nghiệp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng:

a) Phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc để khen thưởng theo thẩm quyền; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích của tập thể, cá nhân và chịu trách nhiệm về việc đề nghị khen thưởng.

b) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp đề nghị khen thưởng và tập thể, cá nhân được khen thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc khai báo thành tích, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng; có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng.

3. Cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về thi đua, khen thưởng; thường xuyên đăng tải khẩu hiệu, nội dung thi đua; phổ biến, nêu gương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, các gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua; tuyên truyền phản ánh kết quả đạt được của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kịp thời phản ánh, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cơ quan cấp tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cơ quan cấp tỉnh do Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh thành lập, có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh, Giám đốc doanh nghiệp về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan cấp tỉnh không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng. Thành phần Phó Chủ tịch Hội đồng và thành phần, số lượng Ủy viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định, nhưng tổng số thành viên Hội đồng không quá 09 thành viên; cơ quan có số lượng phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc từ 10 trở lên, có thể tăng số lượng thành viên Hội đồng nhưng không quá 11 (bao gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch).

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn: Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan:

a) Phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng hằng năm; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình và điều kiện thực tế của cơ quan; kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng.

c) Xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 23. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Hội đồng có từ 02 đến 03 Phó Chủ tịch, Trưởng phòng Phòng Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực. Thành phần và số lượng Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng còn lại do Chủ tịch Hội đồng quyết định, nhưng tổng số thành viên Hội đồng không quá 15 thành viên.

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ 6 tháng, năm đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn.

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng.

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

đ) Phòng Nội vụ cấp huyện làm nhiệm vụ Thường trực Hội đồng.

Điều 24. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Ủy viên Thường trực Hội đồng là công chức văn phòng thống kê (kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng). Thành phần và số lượng Ủy viên Hội đồng còn lại do Chủ tịch Hội đồng quyết định, nhưng tổng số thành viên Hội đồng không quá 11 thành viên.

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ 6 tháng, năm đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước phù hợp với nhiệm vụ phát triển của địa phương.

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng.

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương VI **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG** **VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 25. Lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng, mức thưởng

1. Lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng, mức thưởng thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và theo pháp luật hiện hành.

2. Khen thưởng cho nông dân, công nhân và người lao động thực hiện theo nguyên tắc cấp nào quyết định khen thì cấp đó thưởng.

3. Tập thể, cá nhân đạt thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc sẽ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tặng Bằng khen và mức tiền thưởng kèm theo có thể cao hơn mức quy định, mức thưởng cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Trường hợp tập thể, cá nhân đạt thành tích trong thực hiện các chuyên đề, thành tích đột xuất xuất sắc mà lĩnh vực đó có quy định mức tiền thưởng cụ thể, thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen kèm theo tặng phẩm lưu niệm, không kèm tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

5. Đối với các tập thể, cá nhân (kể cả người nước ngoài), các tổ chức quốc tế có thành tích trực tiếp đóng góp (hoặc vận động đóng góp) tiền, vật chất ủng hộ đồng bào bị thiên tai, hỏa hoạn, trong công tác từ thiện xã hội... Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen kèm theo tặng phẩm lưu niệm hoặc kèm theo tiền thưởng (tùy trường hợp cụ thể).

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Quy định này. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương và Quy định này để ban hành hướng dẫn thi đua, khen thưởng cho phù hợp với đặc thù của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh ban hành hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp thực hiện Quy định này. Đồng thời, hướng dẫn tổ chức hoạt động cụm, khối thi đua của tỉnh; sửa đổi, bổ sung các tiêu chí thi đua phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.